

	TỔNG CÔNG TY SONADEZI			MẪU SỐ 2
	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI			KQKTCL
	CÔNG BỐ THÔNG TIN			VILAS 1082
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG		NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM		

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Trấn Biên, CS: 36.000m ³ /ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P. Long Bình, CS: 30.000m ³ /ngày)		CNCN Thiện Tân (Trạm Thiện Tân ĐĐ: P. Long Bình, CS: 200.000m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 4	A	/	/	/	/	3	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Thiện Tân (Trạm Nhơn Trạch ĐĐ: P. Long Bình, CS: 100.000m ³ /ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: P. Trảng Dài, CS: 15.000m ³ /ngày)		CNCN Long Thành (ĐĐ: xã Long Thành)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 4	A	/	/	5	100	/	/	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC HỒ

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: Hồ Trị An, CS: 4.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Lè, CS: 7.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Suối Soong, CS: 4.200m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 4	A	9	100	3	100	3	100	4	100	

Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: xã Bàu Hàm)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Tân Phú, CS: 2.500m ³ /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Sông Ray, CS: 130m ³ /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
04 Tuần 4	A	/	/	5	100	2	100	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 28 tháng 04 năm 2026

TU. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM



MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2026

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 4 THÁNG 04 NĂM 2026

QCVN 01-1: 2024/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
1	Chi nhánh cấp nước Long Bình. Trạm Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Vĩnh An.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.12	0.29	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	1.55	0/100ml	0/100ml	Đạt
2		Nước sinh hoạt.	Trường THCS Vĩnh An, ấp Vĩnh An 6.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.13	0.24	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	1.11	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt.	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Cửu - số 224 Phan Chu Trinh, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.03	0.33	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt
4		Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Phong Lan, ấp Vĩnh An 8.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.09	0.39	Không có mùi lạ	0.77	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	1.92	0/100ml	0/100ml	Đạt
5		Nước sinh hoạt.	Số 30, đường Nguyễn Tất Thành, xã Trị An.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.02	0.40	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.33	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt.	Trường THCS Lê Quý Đôn, ấp Vĩnh An 8.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	6.94	0.38	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
7		Nước sinh hoạt.	Đảng ủy xã Trị An, ấp Vĩnh An 8.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.14	0.57	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
8	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Trạm Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Cây Gáo B, ấp Vĩnh An 3.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.07	0.39	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.41	0/100ml	0/100ml	Đạt
9			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - ấp 1, xã Tân An.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.11	0.49	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
10	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.		Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Thạnh Phú.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.12	0.22	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	0.96	0/100ml	0/100ml	Đạt
11			Nước sinh hoạt.	Áp Bình Chánh, xã Tân An.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.09	0.37	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	1.18	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Khu phố Bình Long, phường Tân Triều.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.18	0.29	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.48	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	Khu phố Thạnh Phú, phường Tân Triều.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.09	0.30	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.11	0/100ml	0/100ml	Đạt
14			Nước sinh hoạt.	Tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.11	0.34	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	0.66	0/100ml	0/100ml	Đạt
15	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân.	Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 KCN Giang Điền - Đường số 3, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.51	0.09	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.61	0.67	0/100ml	0/100ml	Đạt
16			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - số 161/F, đường 3/2, KP5, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.32	0.10	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.38	0.60	0/100ml	0/100ml	Đạt
17			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.43	0.08	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét		
18	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Nước sinh hoạt.	Trạm Gia Ray.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.43	0.32	Không có mùi lạ	1.10	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	2.15	0/100ml	0/100ml	Đạt		
19		Trạm Gia Ray	Nước sinh hoạt.	Áp Gia Ray 8 - xã Xuân Lộc.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.35	0.21	Không có mùi lạ	1.03	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	2.00	0/100ml	0/100ml	Đạt	
20		Trạm Gia Ray	Nước sinh hoạt.	Áp Tam Hiệp - xã Xuân Lộc.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.45	0.35	Không có mùi lạ	1.16	0.054	0.40	2.81	0/100ml	0/100ml	Đạt	
21		Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - Trạm Định Quán	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.09	0.07	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.80	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt	
22			Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt.	Bệnh viện đa khoa Định Quán.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.11	0.02	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	0.44	0/100ml	0/100ml	Đạt
23			Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt.	Trường mẫu giáo Phú Hiệp.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.10	0.03	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
24			Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt.	Phố 1, ấp 2, xã Phú Hoà.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.11	0.03	Không có mùi lạ	0.71	< LOQ (LOQ=0.039)	0.65	0.30	0/100ml	0/100ml	Đạt
25		Trạm Sông Ray	Nước sinh hoạt.	Giếng khoan trạm Sông Ray.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.80	0.34	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	2.29	0/100ml	0/100ml	Đạt	
26			Trạm Sông Ray	Nước sinh hoạt.	Áp 1 - xã Sông Ray.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.63	0.27	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	0.128	0.50	2.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
27		Trạm Tâm Hưng Hòa	Nước sinh hoạt.	Trạm Tâm Hưng Hòa.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.50	0.29	Không có mùi lạ	1.42	0.052	0.50	2.74	0/100ml	0/100ml	Đạt	
28			Trạm Tâm Hưng Hòa	Nước sinh hoạt.	Áp Xuân Tâm 1 - xã Xuân Hòa.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.52	0.35	Không có mùi lạ	0.90	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	2.74	0/100ml	0/100ml	Đạt
29			Trạm Tâm Hưng Hòa	Nước sinh hoạt.	Áp Xuân Hưng 4 - xã Xuân Hòa.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.41	0.26	Không có mùi lạ	1.42	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	2.66	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
30	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - Trạm Tân Phú.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	6.86	0.07	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.65	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
31			Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - Trạm Tân Phú.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	6.84	0.06	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	0.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
32			Nước sinh hoạt.	Giếng 3 - Trạm Tân Phú.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	6.89	0.05	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
33			Nước sinh hoạt.	KP7, Nguyễn Tất Thành.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	7.01	0.04	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
34			Nước sinh hoạt.	Số 200, cây số 123.	21/04/2026 - 24/04/2026	-	6.86	0.16	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt

Ghi chú:

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Dấu (/) : Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 28 tháng 04 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm